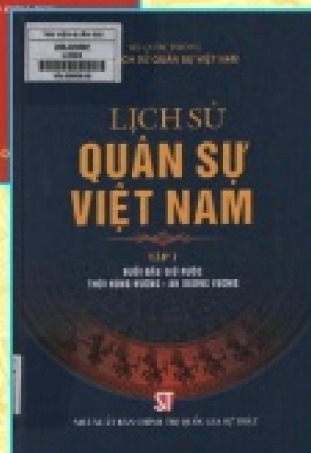
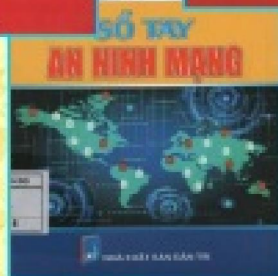
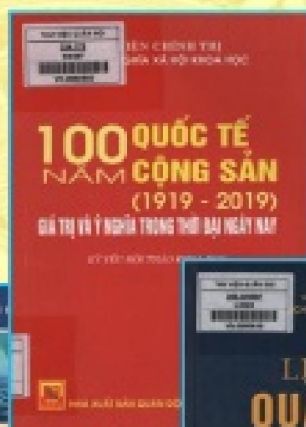
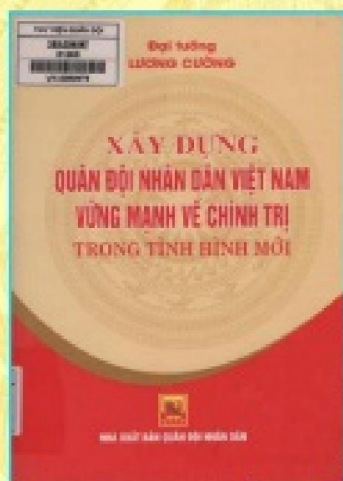




TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

số $\frac{3}{2020}$

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Biên tập:
Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:
Thiếu tá CN, Cử nhân Nguyễn Thị Thu Hà
Thượng úy CN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:
Thiếu tá CN, Kỹ sư Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 3 - 2020.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn, luận văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 3/2020 giới thiệu 330 tài liệu, bằng ngôn ngữ tiếng Việt và Anh, trong đó có 276 tài liệu tiếng Việt và 54 tài liệu tiếng Anh, được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 01 tài liệu
- Triết học và tâm lý học: 07 tài liệu
- Tôn giáo: 03 tài liệu
- Khoa học xã hội: 217 tài liệu
- Công nghệ: 04 tài liệu
- Nghệ thuật: 03 tài liệu
- Văn học: 62 tài liệu
- Lịch sử và địa lý: 33 tài liệu

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Hà Nội
Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp & Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 – TỔNG QUÁT

001. *Sổ tay an ninh mạng/ Biên soạn: Quốc Phong, Thu Hiền.* - H.: Dân trí, 2019. - 200tr.; 21cm.

005.8 S450T/M.173914 - M.173915 - M.173916; MP.0034720 - MP.0034721

100 – TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

002. *Khinh Trọng/ Tô Duy Hợp.* - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 314tr.; 21cm.

Q.3 : Từ lập thuyết đến dụng thuyết

126 Kh312T/M.173475 - M.173476 - M.173477; MP.0034484 - MP.0034485

003. *Phát triển y đức của người thầy thuốc Quân đội hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Vũ Hoài Nam biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 130tr.; 21cm.

174.2 Ph110T/LC.0014717 - LC.0014718; M.173451 - M.173452 - M.173453; VN.0080599 - VN.0080600

004. *Phát triển ý thức đạo đức cách mạng của sĩ quan trẻ ngành Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Vũ Hồng Hà biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 173tr.; 21cm.

172 Ph110T/LC.0014761 - LC.0014762; M.173965 - M.173966 - M.173967; VN.0080845 - VN.0080846

005. *Triết học - Khái lược những tư tưởng lớn/ Lê Ngọc Tân dịch.* - H.: Dân trí, 2019. - 352tr.; 24cm.

100 Tr308H/M.173614 - M.173615 - M.173616; MP.0034527

006. *Triết học khoa học/ Đỗ Anh Thơ biên soạn.* - H.: Tri thức, 2019. - 451tr.; 21cm.

101 Tr308H/M.173637 - M.173638 - M.173639; MP.0034534 - MP.0034535

007. *Triết học tự nhiên/ Nguyễn Đình Cửu biên soạn.* - H.: Tri thức, 2019. - 375tr.; 21cm.

113 Tr308H/M.173643 - M.173644 - M.173645; MP.0034537 - MP.0034538

008. *Tư tưởng triết học của Nguyễn An Ninh:* Sách chuyên khảo/ *Cao Xuân Long chủ biên.* - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 387tr.; 24cm.

181.197 T550T/M.173618 - M.173619 - M.173620; MP.0034528; V.0017239 - V.0017240

200 - TÔN GIÁO

009. Tư duy đạo đức - Vì sao những người tốt bị chia rẽ bởi chính trị và tôn giáo: Sách tham khảo/ *Jonathan Haidt; Trương Thúy Ngân dịch.* - Xuất bản lần 2. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 516tr.; 24cm.

201.615 T550D/M.173657 - M.173658 - M.173659; MP.0034541 - MP.0034542

010. Religion and politics under capitalism: A humanistic approach to the terminology/ *Stefan Arvidsson.* - New York: Routledge, 2019. - 166p.; 24cm.

201.72/AV.0012358

011. Religious actors and conflict transformation in Southeast Asia: Indonesia and the Philippines/ *Jurgen Ruland, Christian von Lubke, Marcel M. Baumann.* - New York: Routledge, 2019. - 161p.; 22cm.

261.87309598/A.0013103

300 – KHOA HỌC XÃ HỘI

012. Cẩm nang công tác hội phụ nữ trong Quân đội/ Phùng Thị Phú chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 178tr.; 19cm.

305.42 C120N/MP.0034636 - MP.0034637; VN.0080721 - VN.0080722

013. Đảng lãnh đạo phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ mới (1998 - 2018)/ Bùi Bạch Đằng. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 263tr.; 21cm.

306.09597 Đ106L/M.173666 - M.173667 - M.173668; MP.0034546; VN.0080673 - VN.0080674

014. Kỉ ly hương: The displaced: Refugee writers on refugee lives/ *Viet Thanh Nguyen chủ biên; Bùi Thanh Châu dịch.* - H.: Hội nhà văn, 2019. - 229tr.; 21cm.

305.906914 K200L/M.172773 - M.172774; MP.0034071 - MP.0034072

015. Khảo luận xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Bế Trung Anh chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 535tr.; 21cm.

305.8009597 Kh108L/M.173481 - M.173482 - M.173483; VN.0080617 - VN.0080618

016. Mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Lan Hương chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 574tr.; 21cm.

305.2309597 M106X/M.173496 - M.173497 - M.173498; MP.0034492 - MP.0034493

017. Trí thức và vai trò của trí thức trong quá trình phát triển của Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Viết Thông, Lê Thị Sự. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 236tr.; 21cm.

**305.55209597 Tr300T/M.173678 - M.173679 - M.173680; MP.0034550;
VN.0080681 - VN.0080682**

018. Văn hóa các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên: Truyền thống, biến đổi và các vấn đề đặt ra. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 474tr.; 21cm.

**305.089009597 V115H/M.173472 - M.173473 - M.173474; VN.0080615 -
VN.0080616**

019. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/ Đồng chủ biên: Phạm Duy Đức, Vũ Thị Phương Hậu. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 472tr.; 24cm.

**306.09597 V115H/M.174410 - M.174411 - M.174412; MP.0034914;
V.0017431 - V.0017432**

020. Văn hóa Việt Nam (1945 - 1975)/ Nguyễn Xuân Kính chủ biên. - H.: Hồng Đức, 2019. - 662tr.; 24cm.

306.09597 V115H/M.173627 - M.173628; V.0017245 - V.0017246

021. American public opinion: Its origins, content and impact/ Robert S. Erikson, Kent L. Tedin. - 10th Ed.. - New York: Routledge, 2019. - 377p.; 23cm.

303.38/AV.0012364

022. The 2016 US presidential election and the LGBTQ community/ Pamela J. Lannuti, M. Paz Galupo. - New York: Routledge, 2019. - 180p.; 25cm.

306.848/AV.0012351

320 – Chính trị

023. Bác Hồ với Đại hội Đảng/ Nguyễn Đức Tài. - Xuất bản lần 3. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 175tr.; 21cm.

**324.2597075 B101H/M.174430 - M.174431 - M.174432; MP.0034920;
VN.0080973 - VN.0080974**

024. Biển Đông trong "Chính sách hướng Á" của Australia từ góc nhìn cường quốc tầm trung/ Huỳnh Tâm Sáng. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2017. - 271tr.; 21cm.

327.99405 B305Đ/VN.0080667

025. Bồi dưỡng năng lực công tác đảng, công tác chính trị cho đại đội trưởng ở các tiểu đoàn học viên, Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Hoàng Hữu Dũng. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 104tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 B452D/LAV.0009440

026. Bồi dưỡng năng lực công tác đảng, công tác chính trị cho học viên đào tạo chỉ huy tham mưu cấp trung, sư đoàn ở Học viện Lục quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên

ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Hữu Trung*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 B452D/LAV.0009419

027. *Bồi dưỡng năng lực công tác đảng, công tác chính trị của cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị ở Học viện Khoa học quân sự hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Trần Minh Quốc*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 B452D/LAV.0009480

028. *Bồi dưỡng năng lực công tác đảng, công tác chính trị của chính trị viên ở các trung đoàn thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Trần Thị Thúy Hồng*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 95tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 B452D/LAV.0009467

029. *Bồi dưỡng năng lực công tác xây dựng Đảng cho cấp ủy viên ở các đảng bộ trung đoàn thuộc Sư đoàn 302, Quân khu 7 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Phạm Giang Nam*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 B452D/LAV.0009424

030. *Chất lượng công tác đảng, công tác chính trị ở các đơn vị cơ sở thuộc Bộ Tư lệnh Lãng Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 8310202/ *Trần Quang Huy*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 120tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009472

031. *Chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong huấn luyện chiến đấu của các lữ đoàn tàu mặt nước Quân chủng Hải quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Phạm Văn Hào*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009447

032. *Chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong huấn luyện chống khủng bố ở các lữ đoàn của Binh chủng Đặc công hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Đào Phú Nghĩa*. - H.: Học viện Chính trị, 2017. - 95tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009415

033. *Chất lượng công tác Đảng, công tác chính trị trong phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật của các tiểu đoàn học viên ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Công Hữu*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 100tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009423

034. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ Học viện Chính trị Công an nhân dân hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Văn Thông*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 95tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009456

035. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện Lục quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Quang Chung*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 114tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009450

036. Chất lượng công tác phát triển đảng viên ở các chi bộ đại đội học viên ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Lê Nhật Vinh*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 98tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009441

037. Chất lượng đánh giá cán bộ ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Đình Hải*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 102tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009426

038. Chất lượng hoạt động tham gia xây dựng Đảng của tổ chức cơ sở Đoàn ở Sư đoàn 315, Quân khu 5 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 8310202/ *Đỗ Văn Thơi*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 100tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009464

039. Chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng của Đảng bộ Binh đoàn 18 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Hồ Sỹ Hoàng*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 104tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009442

040. Chất lượng lãnh đạo xây dựng chính quy của Đảng ủy Học viện Hậu cần hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Chử Anh Tuấn*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009468

041. Chất lượng lãnh đạo xây dựng đội ngũ giảng viên của Đảng bộ Học viện Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Công Ấn*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009416

042. Chất lượng xây dựng các đảng bộ trung đoàn ở Quân đoàn 3 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Nguyễn Gia Khuyển. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009476

043. Chất lượng xây dựng chi bộ đại đội học viên ở đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Nguyễn Tuấn Anh. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Ch124L/LAV.0009479

044. Công tác đảng, công tác chính trị trong diễn tập chiến thuật ở các trung đoàn pháo phòng không của Quân chủng Phòng không - Không quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Nguyễn Nam Thắng. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 C455T/LAV.0009473

045. Công tác đảng, công tác chính trị trong phòng, chống vi phạm kỷ luật của các đơn vị học viên ở Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Nguyễn Thanh Hà. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 C455T/LAV.0009429

046. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào trong các thời kỳ chiến tranh giai đoạn 1994 - 2016/ Biên soạn: Hoàng Đức Nhuận, Lương Văn Dần, Lã Bá Tình. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 295tr.; 22cm.

327.17 C455T/LC.0015021 - LC.0015022; MP.0034755 - MP.0034756; VN.0080817 - VN.0080818

047. Đảng bộ Binh chủng Tăng thiết giáp lãnh đạo xây dựng đội ngũ đảng viên từ năm 2005 đến năm 2015: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ Ngô Hiền Thương. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Đ106B/LAV.0009462

048. Đảng bộ Quân chủng Phòng không Không quân lãnh đạo công tác giáo dục chính trị từ năm 2005 đến năm 2015: Luận văn thạc sĩ lịch chuyên ngành: sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 8229015/ Đào Công Định. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 117tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Đ106B/LAV.0009463

049. Đảng ủy Trường Sĩ quan Lục quân 2 lãnh đạo nhiệm vụ đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Phạm Khả Lương. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Đ106U/LAV.0009431

050. *Lịch sử đảng bộ Lữ đoàn 172 Hải quân (1966 - 2019)*/ Hồ Hoàng Tiến chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 376tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0034468 - MP.0034469; VN.0080577 - VN.0080578

051. *Lịch sử đảng bộ phường Nguyễn Cư Trinh (1930 -2010)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 359tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0014709 - LC.0014710; MP.0034775 - MP.0034776; VN.0080839 - VN.0080840

052. *Lịch sử Đảng bộ Trung tâm Công nghệ Xử lý bom mìn (1996 - 2016)*/ Đặng Văn An chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 296tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0034763 - MP.0034764; VN.0080825 - VN.0080826

053. *Lịch sử truyền thống cách mạng của đảng bộ và nhân dân phường 1 quận Gò Vấp (1930 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 296tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0034474 - MP.0034475; VN.0080585 - VN.0080586

054. *100 năm Quốc tế Cộng sản (1919 - 2019) - Giá trị và ý nghĩa trong thời đại ngày nay*: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 709tr.; 21cm.

324.175 M458T/MP.0034480 - MP.0034481; VN.0080603 - VN.0080604

055. *Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong huấn luyện chiến đấu ở Trung đoàn Ra đa 293, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Lê Văn Tuấn. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 100tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 N122C/LAV.0009482

056. *Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong nhiệm vụ đào tạo sĩ quan dự bị ở Trường Quân sự Quân khu 3 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 8310202/ Phạm Văn Đức. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 113tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075 N122C/LAV.0009465

057. *Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch - tổng hợp về công tác đảng, công tác chính trị ở cơ quan chiến lược trong Quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Đỗ Khắc Cần chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 158tr.; 21cm.

324.2597075 N122C/M.173439 - M.173440 - M.173441; VN.0080591 - VN.0080592

058. *Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch - tổng hợp về công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam*/ Trần Văn Minh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 263tr.; 21cm.

324.2597075
VN.0081000

N122C/MP.0035038 - MP.0035039; VN.0080999 -

059. Nâng cao chất lượng quản lý đảng viên của đảng bộ hệ, tiểu đoàn ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Bùi Hải Ninh*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 116tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 N122C/LAV.0009445

060. Nâng cao chất lượng sinh hoạt tự phê bình và phê bình của các chi bộ đại đội học viên ở Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Hoàng Văn Dân*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 114tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 N122C/LAV.0009438

061. Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng ở Đảng bộ Sư đoàn 316, Quân khu 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Văn Tâm*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 N122C/LAV.0009477

062. Nâng cao năng lực công tác đảng, công tác chính trị của chính trị viên đại đội ở các tiểu đoàn học viên Trường sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Mạnh Hùng*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 103tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 N122C/LAV.0009437

063. Nâng cao năng lực công tác đảng, công tác chính trị của chính trị viên đại đội ở các tiểu đoàn học viên Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Cán Thanh Sơn*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 N122C/LAV.0009417

064. Quan điểm của V.I.Lênin về tôn giáo và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ *Phan Viết Thịnh*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 93tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075 Qu105Đ/LAV.0009469

065. Sổ tay Đảng viên - Giải đáp những tình huống thường gặp về nghiệp vụ công tác Đảng. - H.: Thế giới, 2019. - 367tr.; 27cm.

324.2597075 S450T/M.173499 - M.173500 - M.173501; V.0017199 - V.0017200

066. Tác động của nhân tố nội bộ đối với chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Donal Trump: Sách tham khảo/ *Tô Anh Tuấn* chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 355tr.; 21cm.

**327.73 T101Đ/M.173684 - M.173685 - M.173686; MP.0034552;
VN.0080685 - VN.0080686**

067. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Học viện Lục quân trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1975 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 301tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/MP.0034765; VN.0080899 - VN.0080900

068. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Lực lượng vũ trang Quân khu 7 trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "diễn biến hòa bình" (1975 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 325tr.; 21cm.

**324.2597075 T455K/MP.0035018 - MP.0035019; VN.0080975 -
VN.0080976**

069. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Lực lượng vũ trang Thủ đô Hà Nội trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "diễn biến hòa bình" (1976 - 2018). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 583tr.; 21cm.

**324.2597075 T455K/M.174554 - M.174555 - M.174556; VN.0080985 -
VN.0080986**

070. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Trường Sĩ quan Chính trị trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1976 - 2018)/ Biên soạn: Phùng Văn Lập, Nguyễn Văn Mai, La Quang Mão.... - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 202tr.; 21cm.

**324.2597075 T455K/MP.0035032 - MP.0035033; VN.0080995 -
VN.0080996**

071. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Học viện Lục quân (1961 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 295tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/LC.0014900; VN.0080827 - VN.0080828

072. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 2015)/ Hồ Sơn Đài chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 455tr.; 22cm.

**324.2597075 T455K/LC.0014672 - LC.0014673; MP.0034753 -
MP.0034754; VN.0080815 - VN.0080816**

073. Triết học chính trị phương Tây hiện đại - Giá trị và ý nghĩa: Sách chuyên khảo/ Đinh Ngọc Thạch chủ biên. - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 574tr.; 24cm.

**320.01 Tr308H/M.173624 - M.173625 - M.173626; MP.0034530;
V.0017243 - V.0017244**

074. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 219tr.; 21cm.

**324.2597075 V115K/M.173681 - M.173682 - M.173683; MP.0034551;
VN.0080683 - VN.0080684**

075. Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới. - H.: Chính trị quốc gia, 2019.; 24cm.
P.1 : Đại hội VI, VII, VIII, IX - 1140tr.

324.2597075 V115K/M.173655; V.0017257 - V.0017258

P.2 : Đại hội X, XI, XII - 875tr.

324.2597075 V115K/M.173656; V.0017259 - V.0017260

076. Vấn đề Campuchia trong quan hệ Việt Nam - ASEAN (1979 - 1991)/ Trần Hùng Minh Phương. - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 176tr.; 24cm.

**327.597059 V121Đ/M.173621 - M.173622 - M.173623; MP.0034529;
V.0017241 - V.0017242**

077. Vận động hành lang của Israel và chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ: Sách tham khảo/ *John J. Mearsheimer*; Ng.dịch: *Quế Chi, Vũ Thị Lanh*. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 863tr.; 24cm.

**327.5694073 V121Đ/M.174413 - M.174414 - M.174415; MP.0034915;
V.0017433 - V.0017434**

078. China and the Middle East: Venturing into the maelstrom/ *James M. Dorsey*. - Switzerland: Palgrave Macmillan, 2019. - 278p.; 22cm.

327.51056/A.0013096

079. Dawn of the code war/ *John P. Carlin, Garrett M. Graff*. - New York: PublicAffairs, 2018. - 464p.; 24cm.

327.1273047/AV.0012322

080. Foreign policy issues for America: The Trump years/ *Richard W. Mansbach, James M. MacCormick*. - New York: Routledge, 2019. - 243p.; 25cm.

327.73/AV.0012353

081. From cold war to hot peace: An American ambassador in Putin's Russia/ *Michael McFaul*. - New York: Houghton Mifflin Harcourt, 2018. - 506p.; 24cm.

327.73047/AV.0012324

082. Future politics/ *Jamie Susskind*. - New York: Oxford University press, 2018. - 516p.; 24cm.

320/AV.0012321

083. 2020 world of war/ *Paul Cornish, Kingsley Donaldson*. - London: Hodder Stoughton, 2017. - 298p.; 24cm.

320/AV.0012333

084. *Home States and Homeland politics*: Interactions between the Turkish State and its Emigrants in France and the United States/ *Damla B. Aksel*. - New York: Routledge, 2019. - 212p.; 24cm.

325.273561044/AV.0012359

085. *In praise of politics*/ *Alain Dadiou, Aude Lancelin*. - Cambridge: Pility Press, 2019. - 132p.; 20cm.

320.01/A.0013105

086. *India - Pakistan wars and the Kashmir crisis*/ *Rathnam Indurthy*. - New York: Routledge, 2019. - 65p.; 22cm.

327.5405491/A.0013100

087. *Memory in transatlantic realtions*: From the Cold war to the global war on terror/ *Krystof Kozak, Gyrgy Toth, Paul Bauer, Allison Lynn Wanger*. - New York: Routledge, 2019. - 268p.; 24cm.

327.7304/AV.0012337

088. *North Korean human rights*: Activist and networks/ *Andrew Yeo, Danielle Chubb*. - New York: Cambridge University Press, 2018. - 301p.; 23cm.

323.09513/AV.0012366

089. *Proof of collusion*: How Trump betrayed America/ *Seth Abramson*. - New York: Simon Schuster, 2018. - 429p.; 24cm.

324.70973/AV.0012361

090. *Protean Power*: Exploring the uncertain and unexpected in world politic/ *Peter J. Karzenstein, Lucia A. Seybert*. - New York: Cambridge University Press, 2018. - 355p.; 23cm.

320/AV.0012365

091. *Rationality in the North Korean regime*: Understading the Kim's Strategy of provocation/ *David W. Shin*. - Lanham: Lexington Books, 2018. - 333p.; 24cm.

327.5193/AV.0012331

092. *The making of China's foreign policy in the 21st Century*: Historical sources, institutions/players and perceptions of power relations/ *Suisheng Zhao*. - New York: Routledge, 2018. - 320p.; 25cm.

327.51/AV.0012354

093. *The politics of US aid to Pakistan*: Aid allocation and delivery from Truman to Trump/ *Murad Ali*. - New York: Routledge, 2019. - 190p.; 24cm.

327.7309549/AV.0012360

094. *The US-China military and defense relationship during the Obama Presidency/ James Johnson.* - Switzerland: Palgrave Macmillan, 2018. - 198p.; 21cm.

327.73051/A.0013097

095. *War on peace: The end of diplomacy and the decline of American influence/ Ronan Farrow.* - New York: W. W. Norton and Company, 2018. - 392p.; 24cm.

327.73/AV.0012320

096. *War with Russia?: From Putin and Ukraine to Trump and Russiagate/ Stephen F. Cohen.* - New York: Hot books, 2019. - 225p.; 23cm.

327.73047/AV.0012327

330 – Kinh tế

097. *Chủ nghĩa tư bản - Lịch sử thắng trầm 120 năm (1900 - 2020)/ Trần Thị Vinh.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 599tr.; 24cm.

**330.122 Ch500N/M.174407 - M.174408 - M.174409; MP.0034913;
V.0017429 - V.0017430**

098. *Con đường công nghiệp hóa trong thế kỷ XXI: Những thách thức mới và những mô hình nổi trội: Sách tham khảo/ Ng.dịch: Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đoan Trang, Nguyễn Xuân Điền....* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 694tr.; 24cm.

**338.9 C429Đ/M.174419 - M.174420 - M.174421; MP.0034917; V.0017437
- V.0017438**

099. *Tâm lý học kinh tế: Sách tham khảo/ Rob Ranyard biên soạn; Ng.dịch: Dương Hải Hà, Lê Minh Toàn, Lê Tuấn Anh....* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 663tr.; 24cm.

**330.019 T120L/M.174416 - M.174417 - M.174418; MP.0034916; V.0017435
- V.0017436**

100. *Thí điểm kinh nghiệm của Trung Quốc trong cải cách: Sách tham khảo/ Trịnh Kiếm, Lý Nhiễm, Trần Chấn Khải...; Ng.dịch; Thanh Huyền, Thúy Lan.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 403tr.; 21cm.

**338.951 Th300Đ/M.174424 - M.174425 - M.174426; MP.0034918;
VN.0080969 - VN.0080970**

101. *Britain beyond Brexit/ Gavin Kelly, Nick Pearce.* - Oxford: Wiley, 2019. - 208p.; 25cm.

330.941/AV.0012350

102. *Energy security and cooperation in Eurasia: Power, profits and politics/ Ekaterina Svyatets.* - New York: Routledge, 2019. - 204p.; 23cm.

338.2/AV.0012367

103. *The third revolution*: Xi Jinping and the new Chinese state/ *Elizabeth C. Economy*. - New York: Oxford University press, 2018. - 343p.; 24cm.

338.1851/AV.0012334

335 – Chủ nghĩa xã hội

104. *Bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho học viên cao học chuyên ngành nghệ thuật quân sự ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Triệu Quang Tiến*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 112tr.; 30cm ++ Phụ lục

335.0071109597

B452D/LAV.0009427

105. *Bồi dưỡng phương pháp, tác phong công tác cho học viên đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Lưu Huy Đăng*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 98tr.; 30cm ++ Phụ lục

335.0071109597

B452D/LAV.0009425

106. *Chất lượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2 ở Trường Quân sự Quân khu 9 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Võ Văn Nhiệm*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

335.00709597

Ch527N/LAV.0009451

107. *Chất lượng đội ngũ sĩ quan trẻ của Học viện Hậu cần hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Thế Tiến*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 106tr.; 30cm ++ Phụ lục

335.33209597

Ch124L/LAV.0009444

108. *Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng ở các đại đội học viên đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Hồng sơn*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 113tr.; 30cm ++ Phụ lục

335.0071109597

N122C/LAV.0009428

109. *Nâng cao chất lượng tham gia xây dựng Đảng của các tổ chức quần chúng ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Mạnh Hoàn*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục

Phục vụ hạn chế

335.0071109597

N122C/LAV.0009432

110. *Phát triển đội ngũ quản lý học viên ở Học viện Khoa học quân sự hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý giáo dục: 60140110/ *Nguyễn Đức Luyến*. - 2015; H.: Học viện Chính trị. - 125tr.; 30cm ++ Phụ lục

111. Phòng, chống "Tự diễn biến", "Tự chuyển hóa" trong học viên Học viện Kỹ thuật Quân sự hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học: 8229001/ Nguyễn Đình Nguyên. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

335.00709597 Ph431C/LAV.0009455

112. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Còn dân còn nước/ Nguyễn Văn Khoan biên soạn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 191tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173511 - M.173512 - M.173513; MP.0034500 - MP.0034501; VN.0080629 - VN.0080630

113. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Làm cho phần tốt bên trong mỗi con người nảy nở/ Nguyễn Văn Khoan biên soạn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173505 - M.173506 - M.173507; MP.0034496 - MP.0034497; VN.0080625 - VN.0080626

114. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Một gia đình chung, một tổ quốc chung/ Biên soạn: Nguyễn Thị Hoài Dung, Tuệ Minh. - H.: Thanh niên, 2020. - 218tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173517 - M.173518 - M.173519; MP.0034504 - MP.0034505; VN.0080633 - VN.0080634

115. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Muốn đi xa, chân phải đặt từ trong nhà/ Nguyễn Văn Khoan biên soạn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 195tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173508 - M.173509 - M.173510; MP.0034498 - MP.0034499; VN.0080627 - VN.0080628

116. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Tất cả vì con người, cho con người/ Trần Nhu biên soạn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173523 - M.173524 - M.173525; MP.0034508 - MP.0034509; VN.0080637 - VN.0080638

117. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Tìm người tài đức/ Biên soạn: Đào Thị Lê Hằng, Tuệ Minh. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 218tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173514 - M.173515 - M.173516; MP.0034502 - MP.0034503; VN.0080631 - VN.0080632

118. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Tim sôi, đầu lạnh, bàn tay lạnh/ Nguyễn Văn Khoan biên soạn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 199tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173502 - M.173503 - M.173504; MP.0034494 - MP.0034495; VN.0080623 - VN.0080624

119. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Yêu nước vẫn là việc phải để lên trên hết/ Nguyễn Văn Khoan biên soạn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 193tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173520 - M.173521 - M.173522; MP.0034506 - MP.0034507; VN.0080635 - VN.0080636

120. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/ Đồng chủ biên: Nguyễn Việt Hùng, Vũ Thị Thanh Tùng, Nguyễn Thị Thu Hà. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 214tr.; 21cm.

335.4346 T550T/M.173669 - M.173670 - M.173671; MP.0034547; VN.0080675 - VN.0080676

121. Vận dụng tư tưởng triết học Hồ Chí Minh về đạo làm người trong xây dựng nhân cách cán bộ chính trị cấp phân đội hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học: 8229001/ Nguyễn Tiến Trung. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 112tr.; 30cm + + Phụ lục

335.4346 V121D/LAV.0009457

340 – Pháp luật

122. Các cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam: Sách tham khảo/ Đồng chủ biên: Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giáo, Đoàn Đức Lương.... - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 597tr.; 24cm.

342.59704 C101C/M.174404 - M.174405 - M.174406; MP.0034912; V.0017427 - V.0017428

123. Chất lượng công tác giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở huyện An Dương, thành phố Hải Phòng hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Nguyễn Thị Thanh Minh. - 2015; H.: Học viện Chính trị. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

340.0709597 Ch124L/LAV.0009449

124. Luật hiến pháp của các nước tư bản/ Nguyễn Đăng Dung chủ biên. - Tái bản lần thứ 4. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2019. - 575tr.; 24cm.

342.02 L504H/M.173631 - M.173632 - M.173633; MP.0034531; V.0017249 - V.0017250

125. Luật hình sự Việt Nam/ Phạm Văn Beo. - Tái bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 583tr.; 24cm.

Q.1 : Phần chung

345.597 L504H/M.174422 - M.174423; V.0017439 - V.0017440

126. Sổ tay luật sư/ Đỗ Ngọc Thịnh biên soạn. - Xuất bản lần 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2019.; 24cm.

T.1 : Luật sư và hành nghề luật sư - 242tr.

340.023 S450T/M.173653 - M.173654; V.0017255 - V.0017256

T.2 : Kỹ năng hành nghề luật sư trong tổ tụng hình sự, hành chính, dân sự - 403tr.

340.023 S450T/M.173651 - M.173652; V.0017253 - V.0017254

T.3 : Kỹ năng hành nghề luật sư tư vấn trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại
- 479tr.

340.023 S450T/M.173649 - M.173650; V.0017251 - V.0017252

127. *Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam/ Nguyễn Minh Doan, Nguyễn Minh Đức.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 243tr.; 21cm.

**349.597 Th552H/M.173675 - M.173676 - M.173677; MP.0034549;
VN.0080679 - VN.0080680**

350 – Quân sự

128. *Bài dự thi tìm hiểu 30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân và 75 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2019)/ Đào Anh Văn, Đặng Thị Hữu, Nguyễn Thị Vân Hà....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - tr.; 30cm.

Q.1

355.009597 B103D/V.0017396

Q.2

355.009597 B103D/V.0017397

Q.3

355.009597 B103D/V.0017398

Q.4

355.009597 B103D/V.0017399

Q.5

355.009597 B103D/V.0017400

129. *Biên niên sự kiện Vận tải quân sự (2001 - 2018).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 518tr.; 21cm.

**358.2509597 B305N/MP.0034472 - MP.0034473; VN.0080583 -
VN.0080584**

130. *Biên niên sự kiện Vùng 2 Hải quân (2009 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 258tr.; 21cm.

**359.009597 B305N/MP.0034478 - MP.0034479; VN.0080589 -
VN.0080590**

131. *Bồi dưỡng năng lực giáo dục chính trị của đội ngũ cán bộ chính trị ở các đơn vị học viên, Trường Sĩ quan Lục quân 1 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Văn Quý.* - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 122tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00709597 B452D/LAV.0009466

132. Bồi dưỡng phương pháp công tác tư tưởng cho trung đội trưởng ở trung đoàn bộ binh, Binh đoàn Cửu Long hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Trần Ngọc Quân*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 110tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.109597 B452D/LAV.0009422

133. Bồi dưỡng phương pháp, tác phong công tác của đội ngũ chính trị viên trong Quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Sách chuyên khảo/ *Trần Thu Truyền*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 199tr.; 21cm.

355.109597 B452D/M.173801 - M.173802 - M.173803; VN.0080717 - VN.0080718

134. Bồi dưỡng ý thức pháp luật cho quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Đinh Đức Thành*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.0071109597 B452D/LAV.0009434

135. Chất lượng nhận thức chính trị của hạ sĩ quan, binh sĩ ở các lữ đoàn thuộc Binh chủng Pháo binh: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học: 8229001/ *Nguyễn Hồng Thái*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 114tr.; 30cm ++ Phụ lục

Phục vụ hạn chế

358.1209597 Ch124L/LAV.0009460

136. Chiến sĩ cần biết. - Tái bản lần 2. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 223tr.; 12cm.

355.509597 Ch305S/MP.0035040 - MP.0035041; VN.0081001 - VN.0081002

137. Công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo hạ sĩ quan ở Trường Quân sự Quân khu 5 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Văn Lộc*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 101tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.007109597 C455T/LAV.0009448

138. Di sản vô giá/ Bùi Nam biên soạn. - H.: Dân trí, 2019. - 210tr.; 21cm.

355.009597 D300S/M.173899 - M.173900 - M.173901; VN.0080773 - VN.0080774

139. Đối ngoại quốc phòng Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế: Sách tham khảo/ *Nguyễn Hồng Quân*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 200tr.; 21cm.

355.03109597 Đ452N/M.173442 - M.173443 - M.173444; VN.0080593 - VN.0080594

140. Hình thành kỹ xảo rà, phá bom mìn cho hạ sĩ quan, binh sĩ ở Lữ đoàn Công binh

- 550:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Tâm lý học: 8310401/ *Phạm Việt Hà*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục
358.2309597 H312T/LAV.0009461
- 141. *Lịch sử Binh đoàn 16 (1998 - 2018)*/ Trần Quý Trọng chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 349tr.; 24cm.
355.009597 L302S/MP.0034628 - MP.0034629; V.0017273 - V.0017274
- 142. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Long An (1975 - 2015)*/ Lê Hữu Phước chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 249tr.; 22cm.
355.35109597 L302S/MP.0034757 - MP.0034758; VN.0080819 - VN.0080820
- 143. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh (1961 - 2015)*/ Phạm Văn Trê chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 304tr.; 22cm.
355.35109597 L302S/MP.0034466 - MP.0034467; VN.0080575 - VN.0080576
- 144. *Lịch sử Cục kỹ thuật Phòng không - Không quân (1969 - 2019)*/ Nguyễn Ngọc Hải chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 622tr.; 21cm.
358.009597 L302S/MP.0035020 - MP.0035021; VN.0080977 - VN.0080978
- 145. *Lịch sử Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Kon Tum (1963 - 2018)*/ Phan Văn Lâm biên soạn.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 231tr.; 21cm.
355.35109597 L302S/LC.0014670 - LC.0014671; MP.0034767 - MP.0034768; VN.0080831 - VN.0080832
- 146. *Lịch sử Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Hoa Lư (1975 - 2019)*/ Hồ Sơn Đài chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 407tr.; 21cm.
355.35109597 L302S/M.173436 - M.173437 - M.173438; VN.0080579 - VN.0080580
- 147. *Lịch sử Hậu cần - Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Long An (1945 - 2015)*/ Lê Chính chủ biên.** - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 427tr.; 21cm.
355.009597 L302S/MP.0035028 - MP.0035029; VN.0080989 - VN.0080990
- 148. *Lịch sử Hậu cần Quân khu 5 (1975 - 2015)*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 376tr.; 21cm.
355.809597 L302S/LC.0014917 - LC.0014918; MP.0034773 - MP.0034774; VN.0080837 - VN.0080838
- 149. *Lịch sử Lữ đoàn Đặc công bộ 429 (1969 - 2019)*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 406tr.; 22cm.

356.16709597 L302S/MP.0034759 - MP.0034760; VN.0080821 - VN.0080822

150. *Lịch sử Lữ đoàn Pháo binh 75 (1961 - 2018)*/ Lê Hồng Điệp chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 346tr.; 21cm.

358.1209597 L302S/LC.0014929 - LC.0014930; MP.0034769 - MP.0034770; VN.0080833 - VN.0080834

151. *Lịch sử Lữ đoàn Tên lửa bờ 680 (1988 - 2018)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 172tr.; 21cm.

358.1709597 L302S/LC.0014916; MP.0034771 - MP.0034772; VN.0080835 - VN.0080836

152. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Mê Linh (1945 - 2017)*/ Hoàng Đức Sinh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 531tr.; 24cm.

355.009597 L302S/MP.0034626 - MP.0034627; V.0017271 - V.0017272

153. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Tiểu Cần (1945 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 419tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034476 - MP.0034477; VN.0080587 - VN.0080588

154. *Lịch sử Nhà máy Z189 (1989 - 2019)*/ Trần Bá Thuận chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 195tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034632 - MP.0034633; VN.0080711 - VN.0080712

155. *Lịch sử quân sự Việt Nam*. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020.; 22cm.

T.1: Buổi đầu giữ nước thời Hùng Vương - An Dương Vương. - 590tr.

355.009597 L302S/M.173578; VN.0080639 - VN.0080640

T.2: Đấu tranh giành độc lập tự chủ (Từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 938). - 479tr.

355.009597 L302S/M.173579; VN.0080641 - VN.0080642

T.3: Thời Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý. - 431tr.

355.009597 L302S/M.173580; VN.0080643 - VN.0080644

T.4: Hoạt động quân sự thời Trần (1226 - 1400). - 486tr.

355.009597 L302S/M.173581 - M.173582 - M.173583; VN.0080645 - VN.0080646

T.5: Hoạt động quân sự thời Hồ - Lê sơ (1400 - 1527). - 502tr.

355.009597 L302S/M.173584 - M.173585 - M.173586; VN.0080647 - VN.0080648

T.6: Hoạt động quân sự từ năm 1527 đến 1771. - 479tr.

355.009597 L302S/M.173587 - M.173588 - M.173589; VN.0080649 - VN.0080650

T.7: Hoạt động quân sự thời Tây Sơn (1771-1802). - 399tr.

355.009597 L302S/M.173590 - M.173591 - M.173592; VN.0080651 - VN.0080652

T.8 : Hoạt động quân sự từ năm 1802 đến năm 1896. - 399tr.

355.009597 L302S/M.173593 - M.173594 - M.173595; VN.0080653 - VN.0080654

T.9: Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. - 558tr.

355.009597 L302S/M.173596 - M.173597 - M.173598; VN.0080655 - VN.0080656

T.10: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). - 487tr.

355.009597 L302S/M.173599 - M.173600 - M.173601; VN.0080657 - VN.0080658

T.11: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). - 550tr.

355.009597 L302S/M.173602 - M.173603 - M.173604; VN.0080659 - VN.0080660

T.12: Những nhân tố hợp thành sức mạnh Việt Nam thắng Mỹ. - 447tr.

355.009597 L302S/M.173605 - M.173606 - M.173607; VN.0080661 - VN.0080662

T.13 : Thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc (1975 - 2000). - 631tr.

355.009597 L302S/M.173608 - M.173609 - M.173610; VN.0080663 - VN.0080664

T.14 : Tổng luận. - 438tr.

355.009597 L302S/M.173611 - M.173612 - M.173613; VN.0080665 - VN.0080666

156. *Lịch sử Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (1989 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 719tr.; 24cm.

355.009597 L302S/MP.0034751 - MP.0034752; V.0017233 - V.0017234

157. *Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 10, Sư đoàn 4, Quân khu 9 (1945 - 2015)/ Biên soạn: Phạm Thanh Mười, Nguyễn Minh Phụng, Nguyễn Văn Thanh....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 500tr.; 21cm.

355.3109597 L302S/MP.0035022 - MP.0035023; VN.0080981 - VN.0080982

158. *Lịch sử Trung đoàn Không quân 910 (1958 - 2018)*/ Nguyễn Ngọc Hải chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 462tr.; 21cm.

**358.4009597 L302S/LC.0014704; MP.0034777 - MP.0034778; VN.0080841
- VN.0080842**

159. *Lịch sử Trung đoàn 88 - Đoàn Tu Vũ (1949 - 2019)*/ Lê Hồng Điệp chủ biên. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 279tr.; 24cm.

**355.009597 L302S/M.173433 - M.173434 - M.173435; V.0017195 -
V.0017196**

160. *Lời hay ý đẹp về Bộ đội cụ Hồ*/ Phạm Thanh Hải biên soạn. - H.: Dân trí, 2019. - 145tr.; 21cm.

**355.009597 L462H/M.173896 - M.173897 - M.173898; MP.0034712 -
MP.0034713**

161. *Một số trận đánh cấp trung đoàn của binh đoàn Tây Nguyên*/ Biên soạn: Hoàng Viết Khánh, Vũ Duy Long, Phan Hoàng Thanh.... - H.: Công an nhân dân, 2018. - 244tr.; 19cm.

**T.2
355.009597 M458S/M.173917 - M.173918 - M.173919; VN.0080779 -
VN.0080780**

162. *100 tình huống tư tưởng có thể nảy sinh ở đơn vị và gợi ý biện pháp xử lý của cán bộ cơ sở*: Tài liệu tham khảo/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 167tr.; 19cm.

**T.2
355.009597 M458T/MP.0034638 - MP.0034639; VN.0080723 -
VN.0080724**

163. *Nâng cao bản lĩnh chính trị của sĩ quan trẻ ở Bình chủng Công binh hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học: 8229008/ Lê Minh Sáng. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

358.2309597 N122C/LAV.0009470

164. *Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ an ninh ở Học viện Lục quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Vũ Ngọc Lâu. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 113tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071109597 N122C/LAV.0009418

165. *Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ an ninh ở Trường sĩ quan Lục quân 2 hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ Cao Thanh Linh. - 2015; H.: Học viện Chính trị. - 110tr.; 30cm + + Phụ lục

355.007109597 N122C/LAV.0009446

166. *Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ ở các tiểu đoàn quản lý học viên, Học*

viện Biên phòng hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 8310202/ *Nguyễn Lê Nam*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 115tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071109597

N122C/LAV.0009471

167. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở các tiểu đoàn học viên Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Dương Trung Thành*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 105tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071109597

N122C/LAV.0009435

168. Nâng cao chất lượng đội ngũ chính trị viên ở các lữ đoàn thuộc Binh chủng Công binh hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Đào Mạnh Cảnh*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 99tr.; 30cm + + Phụ lục

356.109597

N122C/LAV.0009433

169. Nâng cao chất lượng đội ngũ chính trị viên ở Sư đoàn 395, Quân khu 3 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Phan Đức Hoàn*. - H.: Học viện Chính trị, 2017. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

356.109597

N122C/LAV.0009478

170. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở Học viện Lục quân hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Trần Trung Dũng*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 104tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071109597

N122C/LAV.0009421

171. Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị cho hạ sĩ quan, binh sĩ ở các Lữ đoàn, Binh chủng Công binh hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Phạm Hồng Trường*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 112tr.; 30cm + + Phụ lục

358.2309597

N122C/LAV.0009475

172. Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị cho quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng ở Trường quân sự Quân khu 7 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Trường Sơn*. - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 103tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00709597

N122C/LAV.0009439

173. Nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống quân đội cho học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội ở Học viện Hậu cần hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Nguyễn Kiều Bình*. - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 92tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071109597

N122C/LAV.0009483

174. Nâng cao chất lượng nguồn đào tạo chính ủy cấp Trung đoàn, Sư đoàn trong

Quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Tiến Hải chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 167tr.; 21cm.

355.5509597 N122C/M.174557 - M.174558 - M.174559; VN.0080993 - VN.0080994

175. Nâng cao chất lượng phong trào thi đua ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Đặng Hữu Thi.* - 2016; H.: Học viện Chính trị. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục

355.0071109597 N122C/LAV.0009436

176. Nâng cao năng lực tham mưu cho đội ngũ cán bộ ở Ban Cán bộ của các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Phạm Duy Vụ.* - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 95tr.; 30cm + + Phụ lục

355.409597 N122C/LAV.0009484

177. Nâng cao trình độ lý luận chính trị của chính ủy, chính trị viên ở Sư đoàn 3, Quân khu 1 hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Vũ Văn Tám.* - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 137tr.; 30cm + + Phụ lục

356.109597 N122C/LAV.0009481

178. Nghiên cứu cải tiến sản xuất và sử dụng vũ khí của Quân đội nhân dân Việt Nam (1975 - 2015)/ *Ngô Nhật Dương chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 298tr.; 21cm.

355.809597 Ngh305C/MP.0035034 - MP.0035035; VN.0080997 - VN.0080998

179. Nghiệp vụ công tác tuyên huấn trong Quân đội nhân dân Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 564tr.; 21cm.

355.3409597 Ngh307V/LC.0014951 - LC.0014952; M.173445 - M.173446 - M.173447; VN.0080595 - VN.0080596

180. Nhà máy Z133 - Biên niên sự kiện (1969 - 2019)/ *Nguyễn Khúc Lương chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 263tr.; 21cm.

355.009597 Nh100M/MP.0034630 - MP.0034631; VN.0080709 - VN.0080710

181. Nhà máy Z199 - 20 năm xây dựng và phát triển (1999 - 2019)/ *Nguyễn Văn Tuấn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 223tr.; 21cm.

355.009597 Nh100M/MP.0035024 - MP.0035025; VN.0080983 - VN.0080984

182. Những phát minh quân sự thế giới/ *Biên soạn: Quốc Phong, Thanh Hương.* - H.: Dân trí, 2019. - 252tr.; 21cm.

355.8 Nh556P/M.173911 - M.173912 - M.173913; MP.0034718 - MP.0034719; VN.0080777 - VN.0080778

183. *Phát huy nhân tố con người ở Lữ đoàn 242 Quân khu 3 trong bảo vệ tuyến đảo Đông Bắc hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học: 8229001/ *Nguyễn Văn Khương*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 112tr.; 30cm + + Phụ lục
356.109597 Ph110H/LAV.0009453

184. *Phát huy vai trò của bộ đội biên phòng trong xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học: 8229001/ *Nguyễn Phú Phương*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 119tr.; 30cm + + Phụ lục
355.35109597 Ph110H/LAV.0009452

185. *Phát thanh Quân đội nhân dân: 60 năm âm vang lời bác*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 671tr.; 21cm.
355.009597 Ph110T/M.173466 - M.173467 - M.173468; VN.0080613 - VN.0080614

186. *Phát triển giá trị đạo đức truyền thống của sĩ quan trẻ Bình chủng Đặc công hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học: 8229001/ *Lê Đức Thịnh*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 113tr.; 30cm + + Phụ lục
356.16709597 Ph110T/LAV.0009458

187. *Phát triển ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Phạm Công Thường biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 187tr.; 21cm.
355.0330597 Ph110T/LC.0014713 - LC.0014714; M.173448 - M.173449 - M.173450; VN.0080597 - VN.0080598

188. *Quản lý giáo dục chính trị cho cán bộ, đoàn viên công đoàn Quân chủng Phòng không - Không quân*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý giáo dục: 60140114/ *Phạm Thị Thu Hương*. - 2015; H.: Học viện Chính trị. - 113tr.; 30cm + + Phụ lục
355.00709597 Qu105L/LAV.0009443

189. *Quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán Việt Nam trong hội nhập quốc tế*: Sách chuyên khảo/ *Trần Minh Tuấn, Bùi Kim Thanh*. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 275tr.; 21cm.
354.8809597 Qu105L/M.173487 - M.173488 - M.173489; VN.0080621 - VN.0080622

190. *Tài liệu một số nhận thức mới trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay*: Dành cho nghiên cứu, học tập chính trị trong Quân đội/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 51tr.; 19cm.
355.009597 T103L/MP.0034783 - MP.0034784; VN.0080847 - VN.0080848

191. *Thuật dùng binh của cha ông trong lịch sử nước nhà/ Mạc Thanh Chi biên soạn.* - H.: Dân trí, 2019. - 199tr.; 21cm.

355.4209597 Th504D/M.173893 - M.173894 - M.173895; MP.0034710 - MP.0034711

192. *Trung tâm Huấn luyện - Biên niên sự kiện (2009 - 2019)/ Biên soạn: Nguyễn Văn Điện, Hoàng Văn Tấn, Phạm Thị Thêm.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 215tr.; 21cm.

355.509597 Tr513T/MP.0035026 - MP.0035027; VN.0080987 - VN.0080988

193. *Trưởng thành qua trận mạc: Hồi ký/ Nguyễn Như Hoạt.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 630tr.; 21cm.

355.0092 Tr561T/M.173789 - M.173790 - M.173791; VN.0080707 - VN.0080708

194. *Vai trò bộ đội biên phòng tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay:* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước/ *Trần Văn Cường.* - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 114tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.35109597 V103T/LAV.0009474

195. *Văn hóa Quân sự Việt Nam - Giá trị lý luận và thực tiễn/ Kiều Bách Tuấn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 623tr.; 21cm.

355.009597 V115H/.0079909; M.173962 - M.173963 - M.173964; VN.0080829 - VN.0080830

196. *Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị ở Học viện Khoa học quân sự hiện nay:* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 60310203/ *Trần Đăng Trung.* - 2017; H.: Học viện Chính trị. - 101tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.0071109597 X126D/LAV.0009420

197. *Xây dựng lối sống văn hóa quân sự của hạ sĩ quan, binh sĩ ở Sư đoàn 325, Quân đoàn 2 hiện nay:* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học/ *Đinh Văn Phúc.* - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 104tr.; 30cm ++ Phụ lục

356.109597 X126D/LAV.0009459

198. *Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị trong tình hình mới/ Lương Cường.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 503tr.; 21cm.

355.009597 X126D/M.174552; VN.0080979 - VN.0080980

199. *Xây dựng thể trận lòng dân tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa:* Sách chuyên khảo/ *Lê Văn Hải.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 138tr.; 21cm.

355.0330597 X126D/M.173798 - M.173799 - M.173800; VN.0080715 - VN.0080716

200. *Xây dựng và vận hành bộ máy quản lý nhà nước - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay*/ Nguyễn Văn Thâm. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 263tr.; 21cm.

**352.209597 X126D/M.173672 - M.173673 - M.173674; MP.0034548;
VN.0080677 - VN.0080678**

201. *Ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo của học viên Học viện Hải quân hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Triết học: 8229001/ Lê Văn Kiều. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 112tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00709597 Y600T/LAV.0009454

202. *Aging Policy and politics in the Trump era*: Implications for older Americans/ Edward Alan Miller, Palema Nadash, Michael K. Gusmano. - New York: Routledge, 2019. - 232p.; 25cm.

353.5370973/AV.0012347

203. *Alliance decision-making in the South China sea*: Between allied and alone/ Joseph A. Gagliano. - New York: Routledge, 2019. - 199p.; 24cm.

355.03109590973/AV.0012362

204. *Army of none: Autonomous weapons and the future of war*/ Paul Scharre. - New York: Norton, 2018. - 446p.; 21cm.

355.82/A.0013098

205. *How NATO adapts: Strategy and organization in the Atlantic alliance since 1950*/ Seth A. Johnston. - Baltimore: Johns Hopkins University Press, 2017. - 252p.; 23cm.

355.031091821/AV.0012326

206. *How the army runs*: A senior leader reference handbook. - Carolina: Lulu Press, 2019. - 550p.; 28cm.

355.00973/AV.0012318

207. *Instinct combat shooting*: Defensive handgunning for police/ Chuck Klein. - Fourth Edition. - New York: CRC press, 2018. - 100p.; 23cm.

355.00973/AV.0012346

208. *Naval diplomacy in the 21st century*: A model for the post-cold war global order/ Kevin Rowlands. - New York: Routledge, 2019. - 222p.; 24cm.

359.03/AV.0012341

209. *Naval powers in the Indian ocean and the Western pacific*/ Howard M, Hensel, Amit Gupta. - New York: Routledge, 2018. - 266p.; 24cm.

359.03/AV.0012338

210. *Origins of the North Korean garrison state*: The people's army and the Korean war/ Youngjun Kim. - New York: Routledge, 2018. - 248p.; 23cm.

355.0095193/AV.0012342

211. *Pilgrim days: From Vietnam to the SAS/ Alastair Mackenzie.* - New York: Osprey, 2019. - 224p.; 24cm.

355/AV.0012323

212. *Russian political war: Moving beyond the hybrid/ Mark Galeotti.* - New York: Routledge, 2019. - 126p.; 22cm.

355033547/A.0013101

213. *Seapower: A guide for the twenty-first century/ Geoffrey Till.* - 4th edition. - New York: Routledge, 2018. - 458p.; 25cm.

359.03/AV.0012328

214. *Taiwan's security and air power: Taiwan's defense against the air threat from mainland China/ Martin Edmonds, Michael M. Tsai.* - New York: Routledge, 2018. - 190p.; 23cm.

358.4030951249/AV.0012345

215. *Understanding naval warfare/ Ian Speller.* - 2nd edition. - New York: Routledge, 2019. - 237p.; 25cm.

359/AV.0012329

216. *Understanding space strategy: The art of war in space/ John J. Klein.* - New York: Routledge, 2019. - 245p.; 24cm.

358.84/AV.0012335

217. *War and political Theory/ Brian Orend.* - Cambridge: Polity press, 2019. - 211p.; 22cm.

355.0201/A.0013104

360 – Dịch vụ xã hội

218. *Hỏi - đáp về môi trường, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong Quân đội nhân dân Việt Nam/ Nguyễn Tiến Sỹ chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 167tr.; 19cm.

363.7 H428Đ/MP.0034634 - MP.0034635; VN.0080719 - VN.0080720

219. *Ứng phó biến đổi khí hậu nhìn từ góc độ cộng đồng/ Nguyễn Đình Hòa chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 351tr.; 24cm.

**363.707 U556P/M.173660 - M.173661 - M.173662; MP.0034543; V.0017261
- V.0017262**

220. *Global terrorism/ James M. Lutz, Brenda J. Lutz.* - 4th Edition. - New York: Routledge, 2019. - 418p.; 25cm.

363.325/AV.0012352

221. *Private policing*/ Mark Button. - 2nd Edition. - New York: Routledge, 2019. - 268p.; 24cm.

363.289/AV.0012363

222. *The proscription of terrorist organisations*: Modern blacklisting in global perspective/ *Lee Jarvis, Tim Legrand.* - New York: Routledge, 2019. - 178p.; 25cm.

363.25/AV.0012349

370 – Giáo dục

223. *Nói lời hay, làm việc tốt*: Bộ sách giáo dục kỹ năng sống, văn hóa ứng xử cho học sinh bậc Tiểu học và Trung học cơ sở/ *Lê Thị Bích Hồng.* - H.: Văn học, 2019. - 107tr.; 24cm.

372.37 N428L/M.174685 - M.174686 - M.174687; MP.0035099 - MP.0035100

390 – Phong tục và văn hóa dân gian

224. *Dân ca người Việt vùng châu thổ sông Hồng (Cấu trúc bài bản)*/ Lê Văn Toàn chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 939tr.; 21cm.

398.809597 D121C/M.173478 - M.173479 - M.173480; MP.0034486 - MP.0034487

225. *Thần thoại Hy Lạp*: Truyện thần thoại/ *Nguyễn Văn Khoa biên soạn.* - Tái bản lần thứ 1. - H.: Văn học, 2019.; 23cm.

T.1 - 452tr.
398.209495 Th121T/M.174700 - M.174701 - M.174702; MP.0035109 - MP.0035110

T.2 - 464tr.
398.209495 Th121T/M.174697 - M.174698 - M.174699; MP.0035107 - MP.0035108

226. *Tín ngưỡng, phong tục Thái Thanh - Nghệ*/ Lê Hải Đăng chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 471tr.; 21cm.

390.08597 T311N/M.173493 - M.173494 - M.173495; MP.0034490 - MP.0034491

227. *Truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn*/ Mạnh Linh biên soạn. - Tái bản lần 1. - H.: Văn học, 2017. - 167tr.; 21cm.. - (Kho tàng truyện cười, truyện dân gian Việt Nam)

398.209597 Tr527T/M.174745

228. *Văn hóa dân gian người Bô Lô ven biển Hà Tĩnh*: Sách chuyên khảo/ *Phạm Thanh Tịnh.* - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 306tr.; 21cm.

390.08597 V115H/M.173490 - M.173491 - M.173492; MP.0034488 - MP.0034489

600 – CÔNG NGHỆ

229. *Ấm thực với sức khỏe và tuổi thọ/ Nguyễn Khiêm.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 159tr.; 21cm.

613.2 Â120T/M.173810 - M.173811 - M.173812; MP.0034646 - MP.0034647

230. *Xu hướng biến đổi chức năng kinh tế của gia đình Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Nguyễn Chiến Thắng, Lê Văn Hùng.* - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 298tr.; 21cm.

640.9597 X500H/M.173484 - M.173485 - M.173486; VN.0080619 - VN.0080620

231. *Arming Asia: Technonationalism and its impact on local defense industries/ Richard A. Bitzinger.* - New York: Routledge, 2018. - 146p.; 23cm.

623.4095/AV.0012343

232. *The hurricane pocket manual: All mark in service 1939 - 1945.* - New York: Osprey, 2018. - 144p.; 19cm.

629.133/A.0013102

700 - NGHỆ THUẬT

235. *Nữ nghệ sĩ tiền phong Năm Sa Đéc và nghệ thuật sân khấu Nam Bộ/ Thiện Mộc Lan.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 212tr.; 22cm.

792.092597 N550N/M.173646 - M.173647 - M.173648; MP.0034539 - MP.0034540

233. *Vàng anh và phượng hoàng/ Trần Minh.* - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ Tp. HCM, 2017. - 248tr.; 21cm.

782.0092 V106A/M.172771 - M.172772; MP.0034069

234. *East Asian art history in a transnational context/ Eriko Tomizawa-Kay, Toshio Watanabe.* - New York: Routledge, 2019. - 258p.; 25cm.

709.509034/AV.0012348

800 - VĂN HỌC

236. *Arsène Lupin, Quý ông kẻ trộm/ Maurice Leblanc; Lê Đình Chi dịch.* - Tái bản lần thứ nhất. - H.: Văn học, 2019. - 333tr.; 21cm.

843.912 A109L/M.174718 - M.174719 - M.174720; MP.0035120 - MP.0035121

237. *Dạy học ngữ văn theo định hướng năng lực/ Nguyễn Trọng Hoàn.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 283tr.; 21cm.

807.1 D112H/M.173663 - M.173664 - M.173665; MP.0034544 - MP.0034545

238. *Kiều hãnh và định kiến*/ Jane Austen; Thanh Loan dịch. - H.: Văn học, 2019. - 356tr.; 24cm.

823.7 K309H/M.174688 - M.174689 - M.174690; MP.0035101 - MP.0035102

239. *Oliver Twist*: Tiểu thuyết/ Charles Dickens; Phan Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Văn học, 2017. - 575tr.; 21cm.

823.8/M.173403 - M.173404 - M.173405; MP.0034429 - MP.0034430

240. *Pinocchio cậu bé người gỗ*: Tiểu thuyết/ Carlo Collodi; Phan Hạnh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H.: Văn học, 2017. - 235tr.; 21cm.

853/M.173391 - M.173392 - M.173393; MP.0034421 - MP.0034422

241. *Thăng khúc*/ Samantha Shannon; Lê Minh Đức dịch. - H.: Văn học, 2019. - 411tr.; 24cm.

823.92 Th116K/M.174691 - M.174692 - M.174693; MP.0035103 - MP.0035104

242. *Thần thoại Bắc Âu*/ Neil Gaiman; Lê Minh Đức dịch. - H.: Văn học, 2019. - 312tr.; 21cm.

823.914 Th121T/M.174712 - M.174713 - M.174714; MP.0035116 - MP.0035117

243. *Vòng tròn máu*: Tiểu thuyết trinh thám/ Edgar Wallace; Anh Tuấn dịch. - H.: Văn học, 2019. - 307tr.; 21cm.

823.912 V431T/M.174739 - M.174740 - M.174741; MP.0035134 - MP.0035135

244. *Vụ án Lerouge*: Tiểu thuyết trinh thám/ Émile Gaboriau; Nguyễn Văn Dân dịch. - H.: Văn học, 2019. - 539tr.; 21cm.

843.8 V500A/M.174736 - M.174737 - M.174738; MP.0035132 - MP.0035133

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

245. *Căn hầm tối*: Tiểu thuyết trinh thám/ Robert Dugoni; Thu Phong dịch. - H.: Văn học, 2019. - 511tr.; 21cm.

813.6/M.173400 - M.173401 - M.173402; MP.0034427 - MP.0034428

246. *Chuồn chuồn hổ phách*: Tiểu thuyết/ Diana Gabaldon; Diệu Hằng dịch. - H.: Thanh niên, 2017.; 24cm.

T.1 - 615tr.

813.54/M.173373 - M.173374 - M.173375; MP.0034409 - MP.0034410

T.2 - 611tr.

813.54/M.173370 - M.173371 - M.173372; MP.0034407 - MP.0034408

247. *Hồn mang*: Tiểu thuyết/ *Lauren Oliver*; *Quách Cẩm Phương* dịch. - H.: Thanh niên, 2017.; 21cm.

813.6/M.173379 - M.173380 - M.173381; MP.0034413 - MP.0034414

248. *Hơi thở cuối cùng*: Tiểu thuyết trinh thám/ *Robert Dagoni*; *Phạm Minh Trang* dịch. - H.: Thanh niên, 2018. - 511tr.; 21cm.

813.6/M.173406 - M.173407 - M.173408; MP.0034431 - MP.0034432

249. *Nếu còn có ngày mai*: Tiểu thuyết/ *Sidney Sheldon*; *Nguyễn Bá Long* dịch. - H.: Văn học, 2018. - 618tr.; 21cm.

813.54 N259C/M.174727 - M.174728 - M.174729; MP.0035126 - MP.0035127

250. *Người tị nạn*: Tập truyện ngắn/ *Viet Thanh Nguyen*; *Phạm Viêm Phương* dịch. - H.: Hội nhà văn, 2019. - 213tr.; 21cm.

813.6 Ng558T/M.172775 - M.172776; MP.0034073 - MP.0034074

251. *Truyện kể hay nhất dành cho trẻ*: *Sara Cone Bryant*; *Khổng Mai Phương* dịch. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 163tr.; 21cm.

813 Tr527K/M.173813 - M.173814 - M.173815; MP.0034648 - MP.0034649

252. *Vòng tròn đá thiêng*: Tiểu thuyết/ *Diana Gabaldon*; *Khánh Vân* dịch. - H.: Thanh niên, 2017. - 431tr.; 24cm.

T.2

813.54/M.173367 - M.173368 - M.173369; MP.0034405 - MP.0034406

253. *Vùng đất chết*: *Rae Carson*; *Nguyễn Hà Ly* dịch. - H.: Văn học, 2019. - 463tr.; 21cm.
P.3 : Khúc ca bí trắng

813.6 V513Đ/M.174706 - M.174707 - M.174708; MP.0035113

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

895 – Văn học Đông Á và Đông Nam Á

254. *Âm vang từ chiến tranh*: Phê bình - Tiểu luận/ *Tôn Phương Lan*. - H.: Văn học, 2019. - 343tr.; 21cm.

895.92209 Â120V/M.173886 - M.173887

255. *Bí mật ngôi mộ cổ*: Tiểu thuyết/ *Lại Nhĩ*; *Uyên Khanh* dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H.: Thanh niên, 2019. - 399tr.; 21cm.

895.136/M.173388 - M.173389 - M.173390; MP.0034419 - MP.0034420

- 256. *Blonote/ Tablo*; Cow Kwon dịch.** - H.: Văn học, 2018. - 252tr.; 17cm.
895.78508 BL431/M.174553, M.174746 - M.174747; MP.0035138 - MP.0035139
- 257. *Cánh cung đỏ*:** Tiểu thuyết/ *Hà Lâm Kỳ*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019.; 21cm.
 Q.1 - 204tr.
895.92234 C107C/LC.0014679 - LC.0014680; M.173463 - M.173464 - M.173465; VN.0080609 - VN.0080610
- Q.2 - 152tr.
895.92234 C107C/LC.0014677 - LC.0014678; M.173460 - M.173461 - M.173462; VN.0080607 - VN.0080608
- Q.3 - 224tr.
895.92234 C107C/LC.0014675 - LC.0014676; M.173457 - M.173458 - M.173459; VN.0080605 - VN.0080606
- 258. *Chiến tranh trên gương mặt đàn bà*:** Trường ca/ *Phạm Hồ Thu*. - H.: Văn học, 2019. - 57tr.; 21cm.
895.92214 Ch305T/M.173876 - M.173877
- 259. *Chuyện ngõ nghèo*:** Tiểu thuyết/ *Nguyễn Xuân Khánh*. - H.: Hội nhà văn, 2019. - 320tr.; 21cm.
895.92234 Ch527N/M.172777 - M.172778; MP.0034075 - MP.0034076
- 260. *Chuyện thời bao cấp*.** - Tái bản lần 3. - H.: Thông tấn, 2018.; 19cm.
 T.3 - 327tr.
895.9228408 Ch527T/M.172783 - M.172784
- T.4 : Quên và nhớ - 256tr.
895.9228408 Ch527T/M.172781 - M.172782
- 261. *Gai hương dương*:** Tiểu thuyết/ *Nozomi Katsura*; *Hoàng Ngọc Lan Hương dịch*. - H.: Văn học, 2018. - 370tr.; 21cm.
895.636/M.173382 - M.173383 - M.173384; MP.0034415 - MP.0034416
- 262. *Hát nơi cửa sóng*:** Trường ca/ *Nguyễn Minh Khiêm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 83tr.; 19cm.
895.922134 H110N/M.173816 - M.173817 - M.173818; MP.0034650 - MP.0034651
- 263. *Hoa chiêng gai*:** Tiểu thuyết/ *Lê Hải Triều*. - H.: Văn học, 2019. - 327tr.; 21cm.
895.92234 H401C/M.173882 - M.173883

264. *Hoa từ trong lửa*: Thơ/ *Nguyễn Xuân Sang*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 164tr.; 21cm.

895.92214 H401T/M.173968 - M.173969 - M.173970; MP.0034781 - MP.0034782

265. *Hòn đất*: Tiểu thuyết/ *Anh Đức*. - H.: Văn học, 2013. - 399tr.; 21cm.

895.92234/M.173421 - M.173422 - M.173423; MP.0034441 - MP.0034442

266. *Kẻ trộm mộ*: Tiểu thuyết/ *Phù Sinh; Nguyễn Đức Vĩnh dịch*. - Tái bản lần 1. - H.: Văn học, 2019. - 515tr.; 21cm.

895.136/M.173385 - M.173386 - M.173387; MP.0034417 - MP.0034418

267. *Khóc trước bình minh*: Tập truyện ngắn/ *Trần Thị Thắng*. - H.: Dân trí, 2019. - 199tr.; 21cm.

895.92234 Kh419T/M.173902 - M.173903 - M.173904; MP.0034714 - MP.0034715

268. *Kim, Vân, Kiều truyện*: *Nguyễn Du; Trương Vĩnh Ký dịch*. - In theo nội dung bản in lần thứ ba năm 1911 của Saigon. - H.: Văn học, 2019. - 222tr.; 21cm.

895.92212 K310V/M.174709 - M.174710 - M.174711; MP.0035114 - MP.0035115

269. *Ký ức độc quyền*: Tiểu thuyết/ *Mộc Phù Sinh; Nguyễn Thu Phương dịch*. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Văn học, 2018. - 511tr.; 21cm.

895.136/M.173412 - M.173413 - M.173414; MP.0034435 - MP.0034436

270. *Lạc nhau ở chân mây*: Tập truyện ngắn/ *Phong Điệp*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 155tr.; 21cm.

895.92234 L101N/M.173795 - M.173796 - M.173797; MP.0034640 - MP.0034641

271. *Lính tăng*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Bắc Sơn*. - H.: Văn học, 2019. - 579tr.; 21cm.

895.92234 L312T/M.173878 - M.173879

272. *Lửa sáng phía chân trời*: Tiểu thuyết/ *Châu La Việt*. - H.: Văn học, 2019. - 241tr.; 21cm.

895.92234 L551S/M.173872 - M.173873

273. *Mùa khát*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Việt Chiến*. - H.: Hội nhà văn, 2018. - 415tr.; 21cm.

895.92234 M501K/M.172779 - M.172780; MP.0034077 - MP.0034078

274. *Năm tháng vội vã*: Tiểu thuyết/ *Cửu Dạ Hồi; Hàn Vũ Phi dịch*. - H.: Văn học, 2019.; 21cm.

T.1 - 462tr.

895.136 N114T/M.174730 - M.174731 - M.174732; MP.0035128 - MP.0035129

T.2 - 472tr.

895.136 N114T/M.174733 - M.174734 - M.174735; MP.0035130 - MP.0035131

275. *Nệm ngất mây trắng*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Hùng Sơn*. - H.: Văn học, 2019. - 356tr.; 21cm.

895.92234 N120N/M.173880 - M.173881

276. *Ngọn đèn trong bão lửa*: Truyện ký/ *Phạm Xuân Trường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 249tr.; 21cm.

895.9228403 Ng429Đ/M.173807 - M.173808 - M.173809; MP.0034644 - MP.0034645

277. *Nhà có chồng ngoan*: Tiểu thuyết/ *Kim Đại; Hoàng Anh dịch*. - H.: Văn học, 2018. - 512tr.; 23cm.

895.136 Nh100C/M.174694 - M.174695 - M.174696; MP.0035105 - MP.0035106

278. *Những đám mây ký ức*: Trường ca/ *Lê Mạnh Tuấn*. - H.: Văn học, 2019. - 141tr.; 21cm.

895.92214 Nh556Đ/M.173874 - M.173875

279. *Những khuôn mặt*: Tập truyện ngắn/ *Thu Hiền*. - H.: Dân trí, 2019. - 149tr.; 21cm.

895.92234 Nh556K/M.173890 - M.173891 - M.173892; MP.0034708 - MP.0034709

280. *Những liệt sĩ thời bình*: Bút ký, Truyện ký/ *Phùng Văn Khai*. - H.: Văn học, 2019. - 250tr.; 21cm.

895.9228403 Nh556L/M.173884 - M.173885

281. *Quan hệ nguy hiểm*: Tiểu thuyết/ *Khiêu Dục Hỏa Diễm; Greenrosetq dịch*. - Tái bản lần thứ 5. - H.: Văn học, 2019. - 475tr.; 21cm.

895.136 Qu105H/M.174742 - M.174743 - M.174744; MP.0035136 - MP.0035137

282. *Quay đầu lại là bờ*: Tiểu thuyết/ *Hữu Phương*. - H.: Văn học, 2019. - 413tr.; 21cm.

895.92234 Qu112Đ/M.173888 - M.173889

283. *Săn mồi - Thông Thiên La Thành*: Tiểu thuyết/ *Hoàng Yến*. - H.: Văn học, 2019. - 448tr.; 21cm.

895.92234 S115M/M.174721 - M.174722 - M.174723; MP.0035122 - MP.0035123

- 284. *Sợi tơ trời*:** Thơ/ *Đào Văn Sửu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 70tr.; 21cm.
895.92214 S462T/M.174560 - M.174561 - M.174562; MP.0035036 - MP.0035037
- 285. *Sự căm dỗ cuối cùng*:** Tiểu thuyết/ *Diệp Lạc Vô Tâm; Greenrosetq dịch*. - H.: Văn học, 2018. - 623tr.; 21cm.
895.136/M.173409 - M.173410 - M.173411; MP.0034433 - MP.0034434
- 286. *Tâm nguyện cuối cùng*:** Tiểu thuyết trinh thám/ *Lôi Mễ; Vũ Thị Hà dịch*. - Tái bản lần thứ hai. - H.: Văn học, 2019. - 707tr.; 21cm.
895.136 T120N/M.174715 - M.174716 - M.174717; MP.0035118 - MP.0035119
- 287. *Tháng năm sen nở*:** Tiểu thuyết/ *Cổ Nguyệt Quang*. - H.: Thanh niên, 2018. - 303tr.; 21cm.
895.92234/M.173394 - M.173395 - M.173396; MP.0034423 - MP.0034424
- 288. *Thiên sơn mộ tuyết*:** Tiểu thuyết/ *Phi Ngã Tư Tôn; Phương Sang dịch*. - Tái bản lần thứ 3. - H.: Văn học, 2018. - 463tr.; 21cm.
895.136/M.173397 - M.173398 - M.173399; MP.0034425 - MP.0034426
- 289. *Thương nhớ người dung*:** Tập truyện ngắn/ *Dương Thùy*. - H.: Lao động, 2018. - 175tr.; 21cm.
895.92234/M.173418 - M.173419 - M.173420; MP.0034439 - MP.0034440
- 290. *Tiếng chim sứ và cây lộc vừng*:** Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thị Thu Hà*. - H.: Dân trí, 2019. - 199tr.; 21cm.
895.92234 T306C/M.173905 - M.173906 - M.173907; MP.0034716 - MP.0034717
- 291. *Tôi bước vui theo với dòng người*:** Tập truyện ngắn, hồi ký, tùy bút, thơ/ *Phạm Thanh Tâm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 296tr.; 21cm.
895.9228408 T452B/M.173804 - M.173805 - M.173806; MP.0034642 - MP.0034643
- 292. *Tuổi thơ dữ dội*:** Tiểu thuyết/ *Phùng Quán*. - H.: Văn học, 2013. - 783tr.; 21cm.
895.9223/M.173415 - M.173416 - M.173417; MP.0034437 - MP.0034438
- 293. *Tuyển tập truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Minh Châu*:** Nguyễn Minh Châu. - H.: Văn học, 2019. - 378tr.; 21cm.
895.922334 T527T/M.174724 - M.174725 - M.174726; MP.0035124 - MP.0035125
- 294. *Trướng quân Hoàng Hoa Thám*:** Tiểu thuyết lịch sử/ *Lê Minh Quốc*. - H.: Văn học, 2019. - 191tr.; 21cm.. - (Hào kiệt nước Nam)

895.922334 T561Q/M.174703 - M.174704 - M.174705; MP.0035111 - MP.0035112

295. Văn học chiến tranh từ góc nhìn thể loại: Nghiên cứu - Phê bình/ *Đỗ Thị Thu Huyền*. - H.: Văn học, 2019. - 207tr.; 21cm.

895.92209 V115H/M.173870 - M.173871

296. Việt Nam sau 1975 - Đôi điều cảm nhận/ Phạm Khắc Lãm. - Tp. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2015. - 237tr.; 20cm.

895.922803 V308N/.0080371

297. Yêu không bền bờ: Tiểu thuyết/ *Bất Kinh Ngữ; Nghiêm Thanh Ngọc dịch*. - H.: Văn học, 2017. - 503tr.; 23cm.

895.136/M.173376 - M.173377 - M.173378; MP.0034411 - MP.0034412

900 – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

298. Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ/ Biên soạn: Đỗ Đình Nghiêm, Ngô Vi Liên, Phạm Văn Thư. - H.: Tri thức, 2019. - 206tr.; 21cm.

915.973 Đ301D/M.173640 - M.173641 - M.173642; MP.0034536; VN.0080668 - VN.0080669

299. Họ Hồ Việt Nam - Cội nguồn và phát triển/ Hồ Quốc Toàn chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 693tr.; 24cm.

929.209597 H400H/M.173469 - M.173470 - M.173471; V.0017197 - V.0017198

300. Trên con đường tơ lụa Nam Á: Du ký/ *Nguyễn Chí Linh*. - H.: Thế giới, 2018. - 336tr.; 21cm.

915.404 Tr254C/M.173634 - M.173635 - M.173636; MP.0034532 - MP.0034533

301. House of Trump, House of Putin: The untold story of Donald Trump and the Russian mafia/ *Craig Unger*. - New York: Random house large print, 2019. - 570p.; 23cm.

973.933092/AV.0012325

940 – Lịch sử châu Âu

302. Emmanuel Macron - Chàng trai hoàn hảo. - H.: Dân trí, 2018. - 266tr.; 21cm.

944.08412092 E202M/.0080372 - .0080373

303. Sống sót ở Berlin/ Erik Larson; Nguyễn Quang Huy dịch. - H.: Lao động, 2019. - 472tr.; 24cm.

943.086 S455S/M.172769 - M.172770

304. *Big week: The biggest air battle of world war II*/ James Holland. - New York: Atlantic Monthly press, 2018. - 402p.; 24cm.

940.54213/AV.0012330

305. *Burying America's world war dead*/ Tracy Fisher. - New York: Routledge, 2019. - 301p.; 24cm.

940.46/AV.0012340

306. *Creating Hitler's Germany: The birth of extremism*/ Tim Heath. - Yorkshire: Pen Sword books, 2019. - 220p.; 24cm.

943.085/AV.0012356

307. *D-Day 1944: The Making of victory*/ Anthony Tucker-Jones. - Stroud: The History press, 2019. - 304p.; 24cm.

944.0816/AV.0012355

308. *Remembering Asia's world war two*/ Mark R. Frost, Daniel Schumacher, Edward Vickers. - New York: Routledge, 2019. - 288p.; 24cm.

940.53/AV.0012336

309. *The Great war in Middle East: A clash of empires*/ Robert Johnson, James E. Kitchen. - New York: Routledge, 2019. - 342p.; 24cm.

940.415/AV.0012339

950 – Lịch sử Châu Á

310. *Ở mặt trận Cao Bằng*. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2017. - 205tr.; 20cm.

959.70441 O460M/VN.0080670

311. *Có 500 năm như thế*: Bản sắc Quảng Nam từ góc nhìn phân kỳ lịch sử/ Hồ Trung Tú. - Tái bản lần 6 có bổ sung. - H.: Đà Nẵng, 2019. - 302tr.; 24cm.

959.752 B105S/V.0017041 - V.0017042

312. *Đại Nam dật sử và sử ta so với sử Tàu*/ Nguyễn Văn Tố. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 417tr.; 24cm.

959.7 Đ103N/V.0017039 - V.0017040

313. *Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)*/ Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn. - In lần 4 theo bản in lần 3 của Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội, năm 1997, có sửa chữa. - H.: Hồng Đức, 2019. - 454tr.; 24cm.

959.70252 Kh462N/M.173629 - M.173630; V.0017247 - V.0017248

314. *Kỷ vật kháng chiến*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 219tr.; 21cm.

T.9

959.704 K600V/LC.0014787 - LC.0014788; M.173959 - M.173960 - M.173961; MP.0034761 - MP.0034762; VN.0080823 - VN.0080824

315. Lịch sử Liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia (1945 - 1989). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 527tr.; 21cm.

959 L302S/MP.0035030 - MP.0035031; VN.0080991 - VN.0080992

316. Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV - XVII/ Hồ Bạch Thảo dịch và chú thích; Phạm Hoàng Quân hiệu đính và bổ chú. - H.: Hà Nội, 2019.; 24cm.

T.1 - 870tr.

959.702 M312T/V.0017045

T.2 - 888tr.

959.702 M312T/V.0017044

T.3 - 1082tr.

959.702 M312T/V.0017043

317. Một số chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)/ Mai Văn Quang chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 471tr.; 21cm.

T.1 : 1964 - 1966

959.70433 M458S/M.173792 - M.173793 - M.173794; VN.0080713 - VN.0080714

318. Những người con sống mãi với non sông: Những anh hùng liệt sỹ lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ/ Thái Chí Thanh biên soạn. - H.: Dân trí, 2019. - 214tr.; 21cm.

T.3 : Những anh hùng liệt sỹ lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ

959.70922 Nh556N/M.173908 - M.173909 - M.173910; VN.0080775 - VN.0080776

319. Những trận đánh của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Trà Vinh. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 159tr.; 21cm.

T.1

959.7 Nh556T/LC.0015055 - LC.0015056; MP.0034470 - MP.0034471; VN.0080581 - VN.0080582

320. Những trận đánh tiêu biểu của bộ đội địa phương các huyện và biệt động thị xã trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước/ Lâm Văn Minh. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 227tr.; 21cm.

959.704 Nh556T/LC.0014776 - LC.0014777; MP.0034779 - MP.0034780; VN.0080843 - VN.0080844

321. Phong cách Hồ Chí Minh/ Nguyễn Khắc Nho. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 171tr.; 21cm.

959.704092 Ph431C/M.174427 - M.174428 - M.174429; MP.0034919; VN.0080971 - VN.0080972

322. *Sài Gòn và Nam Kỳ trong thời kỳ Canh Tân 1875 - 1925*/ Nguyễn Đức Hiệp. - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - văn nghệ, 2019. - 490tr.; 24cm.

959.77 S103G/M.173617; V.0017237 - V.0017238

323. *Thiên hoàng Minh Trị*/ Donald Keene; *Cà Lâu La dịch*. - H.: Dân trí, 2019. - 1107tr.; 24cm.

952 Th305H/V.0017037 - V.0017038

324. *Tổng kết một số trận then chốt điển hình trong chiến dịch phản công, chiến dịch phòng ngự*/ Nguyễn Đình Chung chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 186tr.; 21cm.

959.704 T455K/MP.0034482 - MP.0034483; VN.0080611 - VN.0080612

325. *Việt Nam - Không thể nào quên*/ Ninh Công Khoát dịch. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 236tr.; 21cm.

Q.1

959.7043 V308N/M.173454 - M.173455 - M.173456; VN.0080601 - VN.0080602

326. *Change and continuity in North Korean politics*/ Adam Cathcart, Robert Winstanley-Chesters, Christopher Green. - New York: Routledge, 2018. - 153p.; 23cm.

951.93052/AV.0012344

327. *The conservative movement and the Vietnam war: The other side of Vietnam*/ Seth Offenbach. - New York: Routledge, 2019. - 200p.; 24cm.

956.7044373/AV.0012357

328. *The U.S. army in the Iraq war*. - San Bernardino: Independently published, 2019. - 668p.; 25cm.

Vol.2 : Surge and withdrawal 2007 - 2011

956.70443/AV.0012319

329. *Peroming remembering: Women's memoris of war in Vietnam*/ Rivka Syd Eisner. - Switzerland: Palgrave Macmillan, 2018. - 325p.; 22cm.

959.704/A.0013099

330. *Vietnam: An epic tragedy, 1945- 1975*/ Max Hastings. - New York: Harper, 2018. - 857p.; 24cm.

959.704/AV.0012332

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Lịch sử quân sự Việt Nam. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia, 2020; 22cm.

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã để lại một kho tàng tri thức quân sự vô giá, hàm chứa trong đó những quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc để từ đó có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu về kế sách dựng nước và giữ nước, là cơ sở quan trọng để mỗi người dân Việt Nam hôm nay và mai sau có thể nghiên cứu, thấu hiểu và không ngừng khai thác, vận dụng có hiệu quả vào nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tập đầu tiên của bộ sách *Lịch sử quân sự Việt Nam* được ra mắt vào năm 1999 và các tập cuối cùng được hoàn thành và ra mắt vào năm 2014. Như vậy, sau khoảng 20 năm tiến hành nghiên cứu, biên soạn, năm 2014, bộ sách *Lịch sử quân sự Việt Nam* 14 tập đã được ra mắt bạn đọc hoàn chỉnh. Đây là công trình nghiên cứu đồ sộ, công phu có giá trị khoa học và thực tiễn, phục dựng lại toàn bộ hoạt động quân sự của dân tộc trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, cũng như những cố gắng mở nước của cha ông và các cuộc nội chiến từ thời Hùng Vương - An Dương Vương cho đến nay theo lịch đại trên tất cả các mặt: Lịch sử khởi nghĩa và chiến tranh; Lịch sử nghệ thuật quân sự; Lịch sử tổ chức quân sự; Lịch sử tư tưởng quân sự; Lịch sử kỹ thuật quân sự.

Bộ sách đã vinh dự được đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII viết Lời tựa, Giáo sư Trần Văn Giàu viết Lời giới thiệu.

Bộ sách *Lịch sử quân sự Việt Nam* gồm 14 tập, được tái bản lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung:

T.1: Buổi đầu giữ nước thời Hùng Vương - An Dương Vương. - 590tr.

355.009597/L302S/M.173578; VN.0080639 - VN.0080640

Phản ánh nền văn minh sông Hồng rực rỡ, sự ra đời của Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc và hai cuộc kháng chiến đầu tiên chống đế chế Tần và quân Triệu Đà xâm lược.

T.2: Đấu tranh giành độc lập tự chủ (Từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 938. - 479tr.

355.009597/L302S/M.173579; VN.0080641 - VN.0080642

Trình bày hoạt động quân sự của dân tộc ta trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc kể từ khi Triệu Đà xâm lược Âu Lạc đến lúc Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938. Ngoài việc trình bày rõ tiến trình lịch sử, các tác giả đã dành nhiều tâm huyết luận giải một cách sâu sắc nguyên nhân mất nước và sự trường tồn của nền văn hóa dân tộc trước âm mưu đồng hóa hiểm độc của kẻ thù; đúc kết, khái quát truyền thống và nghệ thuật quân sự của cha ông ta trong cuộc đấu tranh mất còn với phong kiến phương Bắc thời kỳ Bắc thuộc.

T.3: Thời Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý. - 431tr.

355.009597/L302S/M.173580; VN.0080643 - VN.0080644

Cuốn sách phản ánh hoạt động quân sự, quốc phòng của cha ông ta nhằm xây dựng và bảo vệ nhà nước trung ương tập quyền, đập tan các mưu đồ cát cứ, bảo vệ nền độc lập, tự chủ, bảo vệ cương vực và sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia từ sau chiến thắng Bạch Đằng đến khi triều Trần thay thế triều Lý. Các hoạt động quân sự chủ yếu được trình bày một cách có hệ thống; đúc rút, phân tích và khái quát một số bài học kinh nghiệm trên các lĩnh vực hoạt động quân sự của cha ông qua các triều Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý.

T.4: Hoạt động quân sự thời Trần (1226 - 1400). - 486tr.

355.009597/L302S/M.173581 - M.173582 - M.173583; VN.0080645 - VN.0080646

Phân tích bối cảnh lịch sử, binh chế quốc gia, các cuộc kháng chiến chống xâm lược, quan hệ ngoại giao quân sự, với các nước láng giềng...của thời Trần gồm: Nước Đại Việt thời Trần, đế quốc Mông - Nguyên và những cuộc chinh phục của người Mông Cổ thế kỷ XIII; Binh chế Đại Việt thời Trần; ba lần đánh thắng quân Mông - Nguyên xâm lược; quan hệ quân sự giữa Đại Việt với các vương quốc phía Nam và phía Tây khởi nghĩa nông dân giai đoạn cuối thời Trần; tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh giữ nước thời Trần.

T.5: Hoạt động quân sự thời Hồ - Lê sơ (1400 - 1527). - 502tr.

355.009597/L302S/M.173584 - M.173585 - M.173586; VN.0080647 - VN.0080648

Cuốn sách phản ánh trang sử bi tráng, những chiến công vang dội của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ chủ quyền quốc gia dưới thời nhà Hồ và thời Lê Sơ từ cuối thế kỷ 14 đến đầu thế kỷ 16. Nước Đại Việt thời cuối Trần và thời Hồ; cuộc kháng chiến chống Minh do nhà Hồ lãnh đạo; nền đô hộ nhà Minh và phong trào chống Minh trước khởi nghĩa Lam Sơn; khởi nghĩa Lam Sơn giai đoạn hoạt động ở miền núi Thanh Hóa và xây dựng "đất đứng chân" ở Nghệ An.

T.6: Hoạt động quân sự từ năm 1527 đến 1771. - 479tr.

355.009597/L302S/M.173587 - M.173588 - M.173589; VN.0080649 - VN.0080650

Cuốn sách giới thiệu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Đại Việt từ khi vương triều Mạc được xác lập năm 1527 đến trước khi phong trào Tây Sơn bùng nổ năm 1771. Hoạt động quân sự của dân tộc ta trong hai cuộc nội chiến Nam - Bắc triều (1533-1592), cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627-1672) và phong trào nông dân khởi nghĩa nửa đầu thế kỷ 18. Qua đó rút ra một số đánh giá về tư tưởng và nghệ thuật quân sự trong tiến trình của lịch sử quân sự Việt Nam thời trung đại.

T.7: Hoạt động quân sự thời Tây Sơn (1771-1802). - 399tr.

55.009597/L302S/M.173590 - M.173591 - M.173592; VN.0080651 - VN.0080652

Cuốn sách giới thiệu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Đại Việt từ giữa thế kỷ 18 và phong trào khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn. Hoạt động quân sự của dân tộc ta trong các cuộc kháng chiến từ chống quân Xiêm xâm lược (1784-1785) đến cuộc kháng chiến chống quân Thanh (1788-1789). Khái quát nghệ thuật quân sự, tổ chức và trang bị vũ khí của Quân đội Việt Nam thời Tây Sơn.

T.8: Hoạt động quân sự từ năm 1802 đến năm 1896. - 399tr.

355.009597/L302S/M.173593 - M.173594 - M.173595; VN.0080653 - VN.0080654

Giới thiệu nước Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX và trước âm mưu xâm lược của tư bản phương Tây. Trình bày cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858-1884); phong trào Cần Vương chống Pháp và phong trào kháng Pháp tự phát nửa cuối thế kỷ 19.

T.9: Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. - 558tr.

355.009597/L302S/M.173596 - M.173597 - M.173598; VN.0080655 - VN.0080656

Giới thiệu toàn bộ các hoạt động quân sự chống quân xâm lược kéo dài trong suốt 50 năm, bắt đầu từ năm 1897 đến 1945 gồm: Đấu tranh quân sự giai đoạn 1897-1930; sự hình thành tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, đường lối quân sự của Đảng và những hoạt động vũ trang đầu tiên (1930-1939); chuyển hướng chiến lược của Đảng. Phát triển đấu tranh quân sự, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa (9/3-13/7/1945) và đấu tranh vũ trang trong tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

T.10: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). - 487tr.

355.009597/L302S/M.173599 - M.173600 - M.173601; VN.0080657 - VN.0080658

Trình bày hoàn cảnh quốc tế và trong nước, những thuận lợi và khó khăn khi nước ta bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, những chặng đường phát triển của cuộc kháng chiến từ kháng chiến ở miền Nam (tháng 9-1945) đến toàn quốc kháng chiến (tháng 12-1946) và kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến (1951-1954). Khái quát sự phát triển của tư tưởng, tổ chức, hậu cần, kỹ thuật và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

T.11: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). - 550tr.

355.009597/L302S/M.173602 - M.173603 - M.173604; VN.0080659 - VN.0080660

Trình bày các sự kiện lịch sử quân sự chủ yếu diễn ra trong kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam gồm: Đấu tranh chính trị chống đế quốc Mỹ phá hoại hiệp định Giơnevơ, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, tiến lên đồng khởi; đánh thắng các bước leo thang chiến tranh, góp phần làm phá sản chiến lược quân sự toàn cầu phản ứng linh hoạt của đế quốc Mỹ; tổng tiến công chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam.

T.12: Những nhân tố hợp thành sức mạnh Việt Nam thắng Mỹ. -447tr.

355.009597/L302S/M.173605 - M.173606 - M.173607; VN.0080661 - VN.0080662

Phân tích những nhân tố hợp thành sức mạnh Việt Nam để giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ như: Sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sức mạnh hậu phương miền Bắc và tại chiến trường miền Nam, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện.

T.13: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975-2000). - 631tr.

355.009597/L302S/M.173608 - M.173609 - M.173610; VN.0080663 - VN.0080664

Cuốn sách phản ánh hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam từ 1975 đến năm 2000 gồm: Đất nước thống nhất, cả nước xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1975-1979); tăng cường xây dựng tiềm lực quân sự và thế trận quốc phòng toàn dân,

bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế (1980-1985); đổi mới về xây dựng khu vực phòng thủ và xây dựng lực lượng (1986-2000); quan điểm chỉ đạo và khoa học, nghệ thuật quân sự thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975-2000).

T.14: Tổng luận. - 438tr.

355.009597/L302S/M.173611 - M.173612 - M.173613; VN.0080665 - VN.0080666

Trình bày văn tắt, cô đọng toàn bộ tiến trình lịch sử quân sự Việt Nam từ buổi đầu dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh. Những đặc trưng cơ bản của lịch sử quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Phân tích, luận giải những nội dung cơ bản đó, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

2. 100 năm Quốc tế Cộng sản (1919-2019) - Giá trị và ý nghĩa trong thời đại ngày nay: Kỷ yếu hội thảo khoa học.- H.: Quân đội nhân dân, 2019.- 709tr.; 21cm.

324.175/M458T/MP.0034480 - MP.0034481; VN.0080603 - VN.0080604

Cuốn sách tập hợp 52 bài tham luận tham gia Hội thảo “*100 năm Quốc tế Cộng sản (1919-2019) - giá trị và ý nghĩa trong thời đại ngày nay*” do Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị tổ chức. Nội dung trình bày khái quát giá trị thời đại đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; Quốc tế cộng sản với Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam; Quốc tế Cộng sản với cách mạng thế giới và công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

3. Sổ tay an ninh mạng/ Biên soạn: Quốc Phong, Thu Hiền.- H.: Dân trí, 2019. - 200tr.; 21cm.

005.8/S450T/M.173914 - M.173915 - M.173916; MP.0034720 - MP.0034721

Cuốn sách giới thiệu khái quát về tình hình an ninh mạng trên thế giới, khu vực và Việt Nam hiện nay. Từ an ninh mạng, cuốn sách đưa ra những kiến thức về sử dụng máy tính và mạng internet an toàn, cũng như các biện pháp phòng chống rủi ro từ mạng và máy tính, các biện pháp phòng tránh lừa đảo trên mạng, giới thiệu một số hành vi xâm phạm an ninh mạng và các hình thức xử phạt. Bên cạnh đó, cuốn sách còn giới thiệu khái quát về Luật An ninh mạng năm 2018 và những quy định cụ thể trong Luật An ninh mạng.

4. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị trong tình hình mới/ Lương Cường.- H.: Quân đội nhân dân, 2019.- 503tr.; 21cm.

355.009597/X126D/M.174552; VN.0080979 - VN.0080980

Cuốn sách “*Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị trong tình hình mới*” của Đại tướng Lương Cường, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam xuất bản nhân dịp kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22.12.1944 - 22.12.2019) và 30 năm Ngày Hội quốc phòng toàn dân (22.12.1989 - 22.12.2019), hướng

đến Đại hội lần thứ XI của Đảng bộ Quân đội và Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Cuốn sách được kết cấu gồm 03 phần:

Phần thứ nhất: Một số vấn đề lý luận xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị.

Phần thứ hai: Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị - thành tựu và bài học kinh nghiệm.

Phần thứ ba: Yêu cầu và giải pháp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị trong tình hình mới.

Cuốn sách có giá trị lý luận, thực tiễn thiết thực, góp phần tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, quán triệt, triển khai, thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới./.

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 069.554546

.....

● **GIỜ MỞ CỬA:**

- Sáng: 7h30 – 11h30
- Chiều: 13h00 – 16h30
- Nghỉ: Chủ nhật, ngày lễ

● **PHỤC VỤ:**

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.
- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*
- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● **ĐỐI TƯỢNG:**

- Đọc: Rộng rãi.
- Mượn: Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.